TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** -------- Số: **179**/2019/HNGĐ-ST Ngày 22/8/2019 V/v:**"***Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC. TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Phú
+ Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Kim Chi và ông Phan Văn Đạt
- K ký phiên tòa: bà Lê Thị N Sương - K ký Toà án nhân dân huyện Đại Lộc.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5năm 2019về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Như N, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Hải N, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1985; trú tại: B, xã H, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Chị Ngô Thị Như N và anh Huỳnh Ngọc C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới , có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4/2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C Kòng xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình; vợ chồng ly thân nhau từ tháng 4/2013 đến nay.

Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Anh C đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm kết hôn, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh C là do chị N có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra bất hòa. Nay chị N xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị N và anh C cùng khai nhận vợ chồng có 01 con chung, tên là Huỳnh Thị Anh K, sinh ngày 25/10/2011. Chị Nvà anh C đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và K ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chịN được ly hôn với anhC.

- Quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao cháu Huỳnh Anh K cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: ChịN và anhC không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các thủ tục tố tụng đã được Tòa án tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng quan hệ hôn nhân của chị N và anh C thì thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng Kòng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh C Kòng xuyên nhậu nhẹt, thiếu trách nhiệm với gia đình, thiếu niềm tin với nhau, anh C cho rằng chị N có quan hệ với người đàn ông khác nhưng không có cơ sở chứng minh, vợ chồng xảy ra bất hòa, sống ly thân nhau từ tháng 4/2013 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị được ly hôn với anh C.

[2] Về con chung:Vợ chồng có một con chung là Huỳnh Thị Anh K, sinh ngày 25/10/2011.Từ khi sinh ra đến tháng 4/2013 con chung ở với vợ chồng chị N và anh C; khi vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, thì từ tháng 4/2013 đến giữa năm 2017 con chung vợ chồng ở với chị N (tại thôn Hải N, xã B, huyện S, Quảng Ngãi) và từ giữa năm 2017 anh C đem con về nuôi tại nhà mẹ ruột anh là bà Lâm Thị A (tại B, xã H, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam) và từ tháng 6/2019 đến nay, chị N đem con về ở với chị N (tại thôn Hải N, xã B, huyện S, Quảng Ngãi).

Kết quả xác minh cho thấy, anh C đi làm nghề sơn nước từ sáng đến tối mới về nhà, cháu K do mẹ ruột anh C (bà Lâm Thị A) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không Kòng xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng con nên hiện cháu K thiếu sự chăm sóc trực tiếp của cha và mẹ. Cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị N thì thấy: Từ khi sinh cháu K cho đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc cháu K, khi cháu K được anh C đem về nuôi thì chị N cũng đến thăm nom, chăm sóc cháu K. Cháu K rất Kơng mẹ và rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị N có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tình hình thực tế của vợ chồng và nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là

được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[1] Về tài sản chung và nợ chung:Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1] Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Kờng vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Kờng vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Chị Ngô Thị Như N

1.Về quan hệ hôn nhân:Cho chị Ngô Thị Như N được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc C.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Anh K, sinh ngày 25/10/2011 cho chị Ngô Thị Như Ntrực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Ngọc C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về án phí:*** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị Ngô Thị Như N phảichịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003235 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh QN;
- VKSND huyện Đại Lộc;
- UBND xã H, Đại Lộc;
- UBND xã B, S;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**